

Số: 43 /2014/TT-BCT

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2014

THÔNG TƯ

Quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch địa điểm xây dựng Trung tâm điện lực

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật số 24/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Năng lượng,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch địa điểm xây dựng Trung tâm điện lực.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt:

1. Quy hoạch địa điểm xây dựng Trung tâm điện lực (sau đây viết tắt là Quy hoạch TTĐL) có từ hai nhà máy nhiệt điện trở lên, sử dụng nhiên liệu than, dầu, khí.

2. Điều chỉnh Quy hoạch địa điểm xây dựng Trung tâm điện lực.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc lập, thẩm định, phê duyệt:

1. Quy hoạch địa điểm xây dựng Trung tâm điện lực.

2. Điều chỉnh Quy hoạch địa điểm xây dựng Trung tâm điện lực.

Chương II

NỘI DUNG, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG TRUNG TÂM ĐIỆN LỰC

Điều 3. Nội dung hồ sơ Quy hoạch TTĐL

Quy hoạch TTĐL bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tài liệu pháp lý lập Quy hoạch TTĐL, gồm:

a) Căn cứ pháp lý lập quy hoạch: Văn bản giao nhiệm vụ lập Quy hoạch TTĐL của cấp có thẩm quyền và các quyết định phê duyệt quy hoạch khác có liên quan.

b) Ý kiến bằng văn bản của các Bộ, ngành có liên quan đối với Quy hoạch TTĐL và ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh có địa điểm được quy hoạch xây dựng Trung tâm điện lực.

2. Hiện trạng và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của khu vực bị ảnh hưởng bởi Quy hoạch TTĐL:

a) Quy mô dân số, đặc điểm dân cư và kinh tế xã hội.

b) Hiện trạng và quy hoạch phát triển hạ tầng cơ sở.

c) Hiện trạng và quy hoạch phát triển công nghiệp.

3. Hiện trạng và quy hoạch phát triển hệ thống điện khu vực, gồm:

a) Phụ tải điện.

b) Nguồn điện.

c) Lưới điện.

4. Báo cáo khảo sát điều kiện tự nhiên khu vực ảnh hưởng đến Quy hoạch TTĐL (kèm theo hồ sơ báo cáo khảo sát: địa hình, địa chất, khí tượng, thủy văn của khu vực nghiên cứu).

5. Lựa chọn địa điểm xây dựng Trung tâm điện lực:

a) Đề xuất ít nhất hai phương án địa điểm quy hoạch Trung tâm điện lực. Nêu cụ thể địa danh, quy mô công suất, diện tích chiếm đất, điều kiện tự nhiên, ảnh hưởng dân cư, sự phù hợp với quy hoạch của địa phương.

b) Phân tích, đánh giá từng địa điểm về: điều kiện tự nhiên; sự phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương; sự phù hợp về vận chuyển và cung cấp nhiên liệu, môi trường, cung cấp nước ngọt, cung cấp và thải nước làm mát, đấu nối với hệ thống; khai thác và cung cấp nguồn vật liệu xây dựng; đảm bảo kinh tế, kỹ thuật cho phát triển các dự án trong Trung tâm điện lực.

c) Phương án địa điểm lựa chọn, các thông số chính.

6. Quy hoạch tổng mặt bằng và các giải pháp kỹ thuật chính:

a) Các phương án quy hoạch tổng mặt bằng Trung tâm điện lực, so sánh, phương án chọn. Nêu rõ diện tích sử dụng đất các hạng mục công trình (gồm diện tích sử dụng đất lâu dài, diện tích sử dụng đất tạm thời phục vụ thi công, diện tích sử dụng mặt nước).

b) Số tổ máy, công suất, định hướng công nghệ, cấu hình tổ máy.

c) Tính toán nhu cầu nhiên liệu của Trung tâm điện lực. Phân tích lựa chọn nguồn cung cấp, chủng loại, phương án vận chuyển nhiên liệu.

d) Tính toán nhu cầu, phân tích lựa chọn phương án cung cấp nước ngọt.

đ) Tính toán nhu cầu, phân tích lựa chọn phương án cấp nước làm mát, phương án thải nước làm mát. Tính toán phát tán nhiệt thải nước làm mát (nếu cần), kèm theo báo cáo phương án cung cấp nước làm mát.

e) Các giải pháp bảo vệ môi trường giai đoạn xây dựng, giai đoạn vận hành. Quy hoạch cây xanh. Tính lượng tro xỉ, thạch cao; định hướng khai thác, sử dụng tro xỉ, thạch cao; tính dung tích bãi xỉ, thời gian chứa tro xỉ.

g) Đấu nối với hệ thống điện và các giải pháp chính phần điện: cấp điện áp đấu nối, số lộ xuất tuyến và bố trí mặt bằng sân phân phối (kèm theo báo cáo quy hoạch đấu nối vào hệ thống điện quốc gia).

h) Hệ thống giao thông trong Trung tâm điện lực và giao thông kết nối Trung tâm điện lực với bên ngoài (đường bộ, đường thủy, cảng), báo cáo quy hoạch xây dựng cảng (nếu Trung tâm điện lực có cảng chuyên dùng).

i) Sơ bộ về các giải pháp xây dựng chính: xử lý nền, cao độ san nền, giải pháp móng, kết cấu xây dựng các hạng mục công trình.

k) Quản lý vận hành và sửa chữa của Trung tâm điện lực: dự kiến số lượng cán bộ công nhân viên vận hành, sửa chữa trong Trung tâm điện lực, quy hoạch khu vực xây dựng khu quản lý vận hành, sửa chữa.

l) Các hạng mục dùng chung: sự cần thiết, phương án bố trí, giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng lẫn nhau trong quá trình đầu tư xây dựng, quá trình vận hành.

7. Báo cáo phương án giải phóng mặt bằng, bồi thường và tái định cư.

8. Dự kiến phân kỳ đầu tư, tiến độ vận hành các tổ máy, nhà máy.

9. Xác định sơ bộ tổng mức đầu tư, hiệu quả kinh tế - xã hội, dự kiến hình thức đầu tư các nhà máy.

10. Kết luận và kiến nghị.

11. Các bản vẽ chính, gồm:

a) Bản vẽ vị trí địa lý của khu vực quy hoạch Trung tâm điện lực thể hiện trên bản đồ địa hình của khu vực tỷ lệ 1/10.000 hoặc tỷ lệ 1/25.000 (in màu).

b) Các bản vẽ Tổng mặt bằng, mặt bằng bố trí các hạng mục công trình (thể hiện trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 hoặc tỷ lệ 1/25.000, in màu trên khổ giấy A0 và ghi rõ tỷ lệ của bản vẽ) thể hiện các nội dung: bố trí, đánh số ký hiệu

cho từng hạng mục của mỗi dự án; tọa độ, ranh giới, diện tích chiếm đất của các hạng mục công trình chính, hạng mục dùng chung của từng nhà máy trong Trung tâm điện lực; bố trí cây xanh, cảnh quan.

c) Các bản vẽ sơ đồ nguyên lý các hệ thống, gồm: cung cấp nhiên liệu, cung cấp nước ngọt, cung cấp nước làm mát, sơ đồ đấu nối với hệ thống điện, xử lý khói thải (khử bụi, SO_x, NO_x), xử lý nước thải, xử lý và vận chuyển tro xỉ.

d) Sơ đồ, mặt bằng kết nối giao thông, cấp điện, cấp nước đến Trung tâm điện lực, giải pháp sơ bộ về các giao chéo trên không và các giao chéo công trình ngầm.

đ) Mặt bằng tổ chức thi công, xây dựng cho từng dự án phù hợp với phân kỳ đầu tư.

Nội dung chi tiết của hồ sơ Quy hoạch địa điểm xây dựng Trung tâm điện lực như Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Trình tự, thủ tục lập Quy hoạch TTĐL

1. Căn cứ tình hình thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, nhu cầu phát triển nguồn điện, Tổng cục Năng lượng trình Bộ Công Thương:

a) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin chủ trương lập Quy hoạch TTĐL đối với các Trung tâm điện lực chưa có trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Quyết định việc lập Quy hoạch TTĐL đối với các Trung tâm điện lực đã có tên trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia nhưng chưa lập Quy hoạch TTĐL.

2. Sau khi cấp có thẩm quyền đồng ý chủ trương lập Quy hoạch TTĐL, Tổng cục Năng lượng triển khai theo quy định việc lựa chọn đơn vị Tư vấn chuyên ngành đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm để lập Quy hoạch TTĐL.

3. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày hợp đồng Tư vấn lập Quy hoạch TTĐL có hiệu lực, đơn vị Tư vấn phải hoàn thành lập hồ sơ Quy hoạch TTĐL theo quy định tại Điều 3 của Thông tư này và phù hợp với nội dung hợp đồng Tư vấn đã ký để trình Tổng cục Năng lượng thẩm định.

Điều 5. Trình hồ sơ Quy hoạch TTĐL

1. Đơn vị Tư vấn được lựa chọn lập Quy hoạch TTĐL chịu trách nhiệm trình Tổng cục Năng lượng thẩm định hồ sơ Quy hoạch TTĐL.

2. Nội dung, số lượng hồ sơ Quy hoạch TTĐL trình thẩm định gồm:

a) Tờ trình phê duyệt Quy hoạch TTĐL: tóm tắt các nội dung chính của quy hoạch, tóm tắt nội dung chính ý kiến góp ý của địa phương và các Bộ, ngành liên quan, kiến nghị.

b) Ba (03) bộ đề án quy hoạch hoàn chỉnh theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, có báo cáo tóm tắt kèm theo.

c) Một (01) đĩa CD ghi toàn bộ nội dung Quy hoạch TTĐL.

3. Hình thức trình: qua bưu điện hoặc trực tiếp đến trụ sở Tổng cục Năng lượng - Bộ Công Thương.

Điều 6. Thẩm định và phê duyệt Quy hoạch TTĐL

1. Tổ chức thẩm định:

a) Tổng cục Năng lượng chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ Quy hoạch TTĐL.

b) Trường hợp cần thiết, Tổng cục Năng lượng được thuê Tư vấn thẩm tra hồ sơ Quy hoạch TTĐL hoặc mời chuyên gia để trợ giúp thẩm định.

2. Thời gian thẩm định:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tổng cục Năng lượng kiểm tra tính đầy đủ hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hợp lệ, Tổng cục Năng lượng có văn bản yêu cầu đơn vị Tư vấn bổ sung, chỉnh sửa.

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Tổng cục Năng lượng yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, Tư vấn chịu trách nhiệm bổ sung đầy đủ các hồ sơ còn thiếu hoặc chưa hợp lệ.

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Năng lượng phải hoàn thành công tác thẩm định để trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, phê duyệt.

Điều 7. Các trường hợp điều chỉnh Quy hoạch TTĐL

Quy hoạch TTĐL đã được phê duyệt sẽ được cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh khi xuất hiện một trong các yếu tố sau:

1. Thay đổi quy hoạch nguồn nhiên liệu chính cấp cho nhà máy điện trong Trung tâm điện lực, thay đổi giải pháp công nghệ hoặc các thay đổi cần thiết khác dẫn tới phải điều chỉnh:

a) Phạm vi chiếm đất của các dự án và của Trung tâm điện lực.

b) Tổng mặt bằng, mặt bằng của Trung tâm điện lực.

2. Điều chỉnh tăng hoặc giảm quy mô công suất tương đương với công suất của một tổ máy nhỏ nhất trong Trung tâm điện lực.

3. Thay đổi địa điểm xây dựng Trung tâm điện lực.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định điều chỉnh Quy hoạch TTĐL

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin chủ trương điều chỉnh Quy hoạch TTĐL đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7 Thông tư này nếu làm thay đổi quy mô và địa điểm Trung tâm điện lực so với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định điều chỉnh Quy hoạch TTĐL đối với các trường hợp không quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 9. Nội dung hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch TTĐL

Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch TTĐL gồm những nội dung chính sau:

1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết điều chỉnh Quy hoạch TTĐL.
2. Hiện trạng thực hiện Quy hoạch TTĐL.
3. Nội dung, phương án điều chỉnh Quy hoạch TTĐL:
 - a) Các nội dung điều chỉnh so với Quy hoạch TTĐL đã duyệt.
 - b) So sánh, lựa chọn phương án điều chỉnh Quy hoạch TTĐL.
 - c) Đề xuất phương án Quy hoạch TTĐL sau điều chỉnh.
4. Đánh giá ảnh hưởng của Quy hoạch TTĐL đã được điều chỉnh tới hoạt động đầu tư, xây dựng và vận hành các dự án trong Trung tâm điện lực; tới khu vực địa điểm xây dựng Trung tâm điện lực.
5. Ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, của các Bộ, ngành, đơn vị liên quan đối với hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch TTĐL (nếu có).
6. Các bản vẽ, báo cáo chuyên ngành, các tính toán liên quan đến nội dung điều chỉnh Quy hoạch TTĐL.
7. Kết luận và kiến nghị.

Điều 10. Trình tự, thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch TTĐL

1. Lựa chọn Tư vấn lập điều chỉnh Quy hoạch TTĐL

Sau khi được cấp có thẩm quyền đồng ý chủ trương điều chỉnh Quy hoạch TTĐL, Tổng cục Năng lượng triển khai theo quy định hoặc báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương giao chủ đầu tư dự án nhà máy nhiệt điện trong Trung tâm điện lực việc lựa chọn đơn vị Tư vấn lập điều chỉnh Quy hoạch TTĐL.
2. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày hợp đồng Tư vấn lập điều chỉnh Quy hoạch TTĐL có hiệu lực, đơn vị Tư vấn phải hoàn thành lập, trình Tổng cục Năng lượng thẩm định hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch TTĐL.
3. Nội dung, số lượng hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch TTĐL trình thẩm định, phê duyệt gồm:
 - a) Tờ trình phê duyệt Quy hoạch TTĐL: tóm tắt các nội dung chính của quy hoạch điều chỉnh; ý kiến của các Bộ, ngành, đơn vị liên quan (nếu có); kiến nghị.
 - b) Ba (03) bộ hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch TTĐL theo quy định tại Điều 9 Thông tư này, có báo cáo tóm tắt kèm theo.
 - c) Một (01) đĩa CD ghi toàn bộ nội dung hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch TTĐL.
 - d) Hình thức trình: qua bưu điện hoặc trực tiếp đến trụ sở Tổng cục Năng lượng - Bộ Công Thương.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch TTĐL, Tổng cục Năng lượng kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hợp lệ, Tổng cục Năng lượng có văn bản yêu cầu đơn vị Tư vấn bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ.

5. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Tổng cục Năng lượng yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, Tư vấn chịu trách nhiệm bổ sung đầy đủ các hồ sơ còn thiếu hoặc chưa hợp lệ.

6. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Năng lượng thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch TTĐL.

Điều 11. Chi phí lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch TTĐL

1. Chi phí lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch TTĐL (gồm lập mới và điều chỉnh) gồm các chi phí sau:

a) Chi phí trong quá trình lựa chọn Tư vấn lập Quy hoạch TTĐL theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Chi phí thuê Tư vấn lập mới hoặc lập điều chỉnh Quy hoạch TTĐL

c) Chi phí thuê Tư vấn thẩm tra hoặc thuê chuyên gia trợ giúp thẩm định Quy hoạch TTĐL (nếu có).

2. Chi phí lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch TTĐL (gồm lập mới và điều chỉnh) được xác định trên cơ sở áp dụng định mức chi phí hoặc lập dự toán chi phí theo quy định hiện hành.

Điều 12. Nguồn kinh phí lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch TTĐL

1. Chi phí lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch TTĐL (lập mới) theo quy định tại Điều 11 Thông tư này được chi từ các nguồn sau:

a) Từ Ngân sách Nhà nước được phân bổ hàng năm theo kế hoạch của Bộ Công Thương.

b) Nhà đầu tư được cơ quan có thẩm quyền giao thực hiện dự án hoặc đơn vị Tư vấn lập Quy hoạch TTĐL ứng kinh phí và sẽ được hoàn trả bằng vốn ngân sách nhà nước hoặc tính vào vốn đầu tư dự án thực hiện đầu tiên trong TTĐL theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

c) Sử dụng các nguồn tài trợ của các tổ chức trong và ngoài nước cho công tác lập Quy hoạch TTĐL theo các quy định của pháp luật.

2. Nguồn chi phí cho công tác điều chỉnh Quy hoạch TTĐL được Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định đối với từng trường hợp cụ thể.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Triển khai, quản lý Quy hoạch TTĐL

1. Tổng cục Năng lượng chịu trách nhiệm:

a) Tổ chức giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện Quy hoạch TTĐL (lập mới và điều chỉnh) đã được duyệt.

b) Đầu mối giúp Bộ Công Thương hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện các dự án trong TTĐL.

c) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có Trung tâm điện lực công bố Quy hoạch TTĐL (lập mới và điều chỉnh) đã được duyệt.

2. Chủ đầu tư dự án điện, dự án cơ sở hạ tầng trong Trung tâm điện lực (nếu có) chịu trách nhiệm:

a) Thực hiện đầu tư, xây dựng theo đúng nhiệm vụ được giao và tuân thủ Quy hoạch TTĐL đã được phê duyệt.

b) Báo cáo Bộ Công Thương tình hình thực hiện dự án do mình làm chủ đầu tư trong TTĐL khi được yêu cầu.

Điều 14. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2015.

2. Quyết định số 006/2007/QĐ-BCT ngày 17 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch địa điểm xây dựng Trung tâm điện lực hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vấn đề vướng mắc, nội dung mới phát sinh, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Tổng cục Năng lượng để nghiên cứu, hướng dẫn hoặc đề xuất, trình Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ; các Phó Thủ tướng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ Công Thương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- Các Sở Công Thương;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, TCNL (02 bản).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Cao Quốc Hưng

PHỤ LỤC
BIÊN CHẾ VÀ NỘI DUNG CHI TIẾT
QUY HOẠCH ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG TRUNG TÂM ĐIỆN LỰC

*(ban hành kèm theo Thông tư số: 43/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 11 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

Quy hoạch địa điểm xây dựng Trung tâm điện lực được biên chế như sau:

Tập 1: Thuyết minh Quy hoạch TTĐL, các văn bản pháp lý

Tập 2: Bản vẽ Quy hoạch TTĐL

Tập 3: Phụ lục tính toán

Tập 4: Các báo cáo chuyên ngành

Nội dung chi tiết Thuyết minh Quy hoạch TTĐL và các Báo cáo chuyên ngành như sau:

I. NỘI DUNG THUYẾT MINH QUY HOẠCH ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG TRUNG TÂM ĐIỆN LỰC

Chương I. TỔNG LUẬN

1. Biên chế hồ sơ
2. Nội dung chính của quy hoạch
3. Cơ sở pháp lý lập quy hoạch
4. Sự cần thiết lập quy hoạch xây dựng Trung tâm điện lực
5. Quy mô công suất, công nghệ và tiến độ các dự án trong TTĐL
6. Mô tả hiện trạng địa điểm quy hoạch
7. Cung cấp nhiên liệu và các nguyên liệu khác
8. Sơ bộ Tổng mức đầu tư, hình thức đầu tư
9. Kết luận

CHƯƠNG 2. HIỆN TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHU VỰC

1. Tổng quan
2. Hiện trạng và định hướng phát triển kinh tế xã hội khu vực quy hoạch Trung tâm điện lực
3. Hiện trạng và định hướng phát triển công nghiệp khu vực
4. Hiện trạng và định hướng quy hoạch cơ sở hạ tầng khu vực
5. Kết luận

CHƯƠNG 3. SỰ CẦN THIẾT, QUY MÔ CÔNG SUẤT VÀ THỜI ĐIỂM XUẤT HIỆN

1. Hiện trạng hệ thống điện Việt Nam. Phân vùng hệ thống điện
2. Dự báo nhu cầu tiêu thụ điện
3. Quy hoạch phát triển nguồn điện toàn quốc và khu vực
4. Quy hoạch phát triển lưới điện toàn quốc và lưới điện khu vực
5. Quy mô và thời điểm xuất hiện các nhà máy nhiệt điện trong Trung tâm điện lực
6. Kết luận

CHƯƠNG 4. LỰA CHỌN ĐỊA ĐIỂM QUY HOẠCH XÂY DỰNG TTĐL

1. Quá trình khảo sát, đánh giá lựa chọn địa điểm
2. Các phương án địa điểm
3. Mô tả điều kiện tự nhiên các địa điểm
4. Phân tích, so sánh, lựa chọn địa điểm xây dựng Trung tâm điện lực
5. Kết luận và kiến nghị

CHƯƠNG 5. CUNG CẤP NHIÊN LIỆU

1. Phân tích lựa chọn chủng loại, nguồn cung cấp nhiên liệu chính
2. Nhu cầu nhiên liệu của Trung tâm điện lực
3. Phương án vận chuyển nhiên liệu tới Trung tâm điện lực
4. Dự báo giá nhiên liệu
5. Kết luận

CHƯƠNG 6. CUNG CẤP NƯỚC

1. Hiện trạng và quy hoạch cung cấp nước khu vực
2. Nhu cầu, phương án cung cấp nước ngọt
3. Nhu cầu, phương án cấp nước làm mát cho Trung tâm điện lực

CHƯƠNG 7. CÁC GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CHÍNH

1. Tổng quan
2. Định hướng lựa chọn công nghệ
3. Định hướng kỹ thuật các thiết bị chính
4. Định hướng kỹ thuật các thiết bị phụ trợ
5. Sơ bộ các giải pháp kỹ thuật phần xây dựng và kiến trúc

6. Bãi thải xỉ và phương án xử lí, sử dụng tro xỉ

CHƯƠNG 8. QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG TTĐL

1. Tổng quan
2. Điều kiện kỹ thuật địa điểm
3. Các phương án tổng mặt bằng Trung tâm điện lực
4. Quy hoạch tổng mặt bằng phương án chọn
5. Quy hoạch khu cán bộ, công nhân viên vận hành
6. Quy hoạch khu tái định cư

CHƯƠNG 9. TÍNH TOÁN LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN ĐẦU NỐI

1. Các phương án đầu nối Trung tâm điện lực vào hệ thống điện
2. Phân tích ảnh hưởng của TTĐL tới hệ thống điện, giải pháp khắc phục
3. So sánh, lựa chọn phương án đầu nối Trung tâm điện lực vào hệ thống điện quốc gia
4. Quy mô đầu tư xây dựng các công trình đầu nối, phân kỳ đầu tư

CHƯƠNG 10. QUY HOẠCH PHƯƠNG ÁN VẬN CHUYỂN

1. Tổng quan
2. Vận chuyển nhiên liệu chính
3. Vận chuyển nhiên liệu phụ
4. Vận chuyển thiết bị siêu trường, siêu trọng
5. Vận chuyển vật liệu xây dựng

CHƯƠNG 11. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Hiện trạng môi trường khu vực
2. Các tác động môi trường
3. Biện pháp giảm thiểu và kiểm soát môi trường

CHƯƠNG 12. TỔ CHỨC XÂY DỰNG

1. Đặc điểm chung
2. Sơ bộ khối lượng vật liệu thi công chính
3. Quy hoạch mặt bằng tổ chức thi công
4. Biện pháp tổ chức xây dựng các hạng mục công trình chính
5. Quy hoạch cung cấp điện nước phục vụ thi công

6. Dự kiến thiết bị, nhân lực thi công

7. Tiến độ thi công

CHƯƠNG 13. SƠ BỘ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ VÀ HÌNH THỨC ĐẦU TƯ

1. Ước tính tổng mức đầu tư

2. Phân tích, đề xuất hình thức đầu tư các nhà máy

CHƯƠNG 14. PHÂN TÍCH SƠ BỘ HIỆU QUẢ KINH TẾ XÃ HỘI

1. Thông số đầu vào

2. Phân tích hiệu quả kinh tế

3. Phân tích hiệu quả tài chính

4. Kết luận

CHƯƠNG 15. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

2. Kiến nghị

II. NỘI DUNG BÁO CÁO CHUYÊN NGÀNH

Phụ thuộc vào đặc điểm cụ thể của từng TTĐL, các Báo cáo chuyên ngành gồm:

1. BÁO CÁO KHẢO SÁT:

Số liệu khảo sát và đánh giá về điều kiện địa hình, địa chất, khí tượng, thủy văn của khu vực quy hoạch xây dựng Trung tâm điện lực.

2. BÁO CÁO KHẢ NĂNG CUNG CẤP VÀ PHƯƠNG ÁN VẬN CHUYỂN NHIÊN LIỆU

a) Nhiên liệu cấp cho TTĐL gồm:

- Nhiên liệu chính dùng cho phát điện.

- Nhiên liệu phụ.

b) Nội dung chính của báo cáo, gồm:

- Nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu của TTĐL.

- Phân tích, lựa chọn nguồn cung cấp nhiên liệu và phương án vận chuyển nhiên liệu tới TTĐL.

3. BÁO CÁO QUY HOẠCH XÂY DỰNG CẢNG

- Dự báo lượng hàng hóa cần vận chuyển tới TTĐL trong giai đoạn xây dựng, giai đoạn vận hành.

- Quy hoạch mặt bằng cảng.

- Quy mô và khối lượng thi công hạng mục chính.

4. BÁO CÁO QUY HOẠCH ĐẦU NỐI VÀO HỆ THỐNG ĐIỆN QUỐC GIA

- Hiện trạng và quy hoạch phát triển nguồn, lưới điện khu vực và quốc gia.
- Dự báo nhu cầu tiêu thụ điện.
- Các phương án đầu nối, thông số chính.
- Kết quả tính toán trào lưu công suất, tính toán ngắn mạch chế độ max, min, trường hợp sự cố n-1; tính toán ổn định các phương án.
- Tính toán ổn định.
- Ảnh hưởng tới hệ thống điện, giải pháp khắc phục.
- Lựa chọn phương án đầu nối.
- Khối lượng xây dựng lưới điện đầu nối, phân kỳ đầu tư.

5. BÁO CÁO PHƯƠNG ÁN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, BỒI THƯỜNG VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- Số liệu khảo sát, đánh giá hiện trạng các công trình, dân số bị ảnh hưởng bởi TTĐL.
- Chế độ chính sách, phương án đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư.
- Quy hoạch khu tái định cư: địa điểm, diện tích, hiện trạng, số hộ, số dân, giải pháp đảm bảo hạ tầng cơ sở.

6. BÁO CÁO PHƯƠNG ÁN CUNG CẤP NƯỚC NGỌT

- Tính toán nhu cầu nước ngọt của Trung tâm điện lực.
- Khảo sát, đánh giá trữ lượng các nguồn nước ngọt trong khu vực.
- Tính toán cân bằng nước.
- Phân tích, so sánh lựa chọn phương án cung cấp nước ngọt cho TTĐL.

7. BÁO CÁO CUNG CẤP NƯỚC LÀM MÁT

- Tính toán nhu cầu nước làm mát cho TTĐL.
- Khảo sát, đánh giá điều kiện cấp nước làm mát cho TTĐL.
- Tính toán khuếch tán nhiệt nước làm mát thải ra và đánh giá ảnh hưởng tới môi trường, tới nước làm mát đầu vào.